TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/DS-PT
Ngày 23-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 3, ngày 10 và 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 75A/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 106/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Thành D, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 442, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông D là: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/3/2019).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế K, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 286, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Băng G – Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số 286, đường Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố C, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Băng G – Văn phòng Luật sư G, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Phạm Hữu T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Thái Quốc N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 33, khóm 3, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thế K là bị đơn

Anh K, anh T, Luật sư có mặt tại phiên tòa. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị X, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Ông Nguyễn Văn H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thành D trình bày:***

Ông Đỗ Thành D có cho anh Nguyễn Thế K và chị Nguyễn Thị Mỹ X vay tiền nhiều lần, cụ thể:

- Ngày 25/01/2016, ông D có cho anh K và chị X vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, có làm biên nhận, khi đến hẹn trả anh K và chị X không trả vốn và lãi. Sau đó, anh K và chị X đóng lãi được 10 tháng với số tiền 60.000.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay (hai bên thỏa thuận lãi 3%/tháng đến khi trả vốn xong).

- Ngày 29/3/2016, ông D có cho anh K và chị X vay 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không quy định thời gian, có làm biên nhận, số tiền này anh K và chị X đóng lãi được 09 tháng với số tiền 16.200.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay.

- Ngày 18/5/2016, ông D có cho anh K và chị X vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không quy định thời gian, có làm biên nhận, số tiền này anh K và chị X đóng lãi được 08 tháng với số tiền 4.800.000 đồng.

- Ngày 05/10/2016, ông D có cho anh K và chị X vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, không quy định thời gian, số tiền này anh K và chị X đóng lãi được 06 tháng với số tiền là 3.600.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay (lần vay này anh K và chị X vay ngày 05/10/2016, nhưng biên nhận ghi nhận ngày 05/10/2012).

Thời gian đóng lãi cũng như ngưng đóng ông D không nhớ ngày tháng cụ thể, chỉ nhớ số lần đóng lãi và số tiền đóng lãi.

Nay ông D yêu cầu anh K, chị X trả nợ vay, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền theo biên nhận ngày 25/01/2016: Tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày 02/3/2018 là 25 tháng 05 ngày và mức lãi suất 1,2%/tháng là 60.400.000 đồng, thống nhất trừ số tiền lãi đã nhận 60.000.000 đồng, sau khi cấn trừ ông D yêu cầu anh K và chị X trả 200.400.000 đồng.

- Đối với số tiền theo biên nhận ngày 29/3/2016, vốn 60.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 29/3/2016 đến ngày 02/3/2018 là 23 tháng và mức lãi suất 1,2%/tháng là 16.560.000 đồng, thống nhất trừ số tiền lãi đã nhận là 16.200.000 đồng, sau khi cấn trừ, ông D yêu cầu anh K và chị X trả vốn và lãi 60.360.000 đồng.

- Đối với số tiền theo biên nhận ngày 18/5/2016, vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 18/5/2016 đến ngày 02/3/2018 là 21 tháng 12 ngày và mức lãi suất 1,2%/tháng là 5.136.000 đồng, thống nhất trừ số tiền lãi đã nhận là 4.800.000 đồng, sau khi cấn trừ ông D yêu cầu anh K và chị X trả vốn và lãi: 20.336.000 đồng.

- Đối với số tiền theo biên nhận ngày 05/10/2016 vốn 20.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 05/10/2016 đến ngày 02/3/2018 là 16 tháng 25 ngày và mức lãi suất 1,2%/tháng là 4.050.000 đồng, thống nhất trừ số tiền lãi đã nhận là 3.600.000 đồng, sau khi cấn trừ ông D yêu cầu anh K và chị X trả vốn, lãi 20.440.000 đồng.

Ông D yêu cầu anh K và chị X phải có nghĩa vụ trả vốn và lãi của các lần vay tổng cộng: 301.536.000 đồng (200.400.000 đồng + 60.360.000 đồng + 20.336.000 đồng + 20.440.000 đồng) và tiền lãi phát sinh 1,2%/tháng kể từ ngày 02/3/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên hòa giải, ông Đỗ Thành D (có ông Nguyễn Văn H là đại diện ủy quyền), không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ X liên đới cùng anh K trả 301.536.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông D yêu cầu anh K trả vốn 275.000.000 đồng yêu yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực. Không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ X liên đới cùng anh K trả nợ.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thế K trình bày:***

Anh Nguyễn Thế K thừa nhận có vay tiền của ông Đỗ Thành D vào các ngày 25/01/2016, số tiền 200.000.000 đồng; ngày 29/3/2016, số tiền 60.000.000 đồng; ngày 18/5/2016, số tiền 20.000.000 đồng; ngày 05/10/2016,

số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 300.000.000 đồng, chị X chỉ có tên trong biên nhận, không có ký tên và cũng không biết số tiền vay này, nhưng anh K đã trả tiền vốn và lãi trên 600.000.000 đồng có H1, N, C1, D1 là người của ông D đến thu tiền, nhưng những đối tượng này không biết rõ địa chỉ và ông D cũng không ghi biên nhận tiền trả nợ. Do đó anh K không đồng ý liên đới cùng chị X trả số tiền 301.536.000 đồng và lãi phát sinh 1,2%/tháng kể từ ngày 02/3/2018 theo yêu cầu của ông Đỗ Thành D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố C đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thành D yêu cầu anh Nguyễn Thế K trả số tiền vốn vay 275.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Thế K trả cho ông Đỗ Thành D số tiền vốn vay 275.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu ông Đỗ Thành D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ X liên đới với anh Nguyễn Thế K trả số tiền vốn và lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thế K phải chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Thành D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.538.000 đồng theo biên lai thu số 0003269 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 12 năm 2018 anh Nguyễn Thế K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ dân sự thẩm số: 60/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét lại toàn bộ nội dung bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Đỗ Thành D có cho anh Nguyễn Thế K vay nhiều lần cụ thể như sau:

- Ngày 25/01/2016 cho anh K vay 200.000.000 đồng.

- Ngày 29/3/2016 cho anh K vay 60.000.000 đồng.

- Ngày 18/5/2016 cho anh K vay 20.000.000 đồng.

- Ngày 05/10/2016 cho anh K vay 20.000.000 đồng (nhưng biên nhận ghi nhận ngày 05/10/2012).

Tổng cộng 300.000.000 đồng. Khi vay anh K có viết biên nhận và ký tên, anh K có đóng lãi được tổng cộng 84.600.000 đồng, thì ngưng cho đến nay. Ông D yêu cầu anh K trả vốn và lãi theo quy định của pháp luật, thống nhất trừ tiền lãi anh K đã đóng. Ông D yêu cầu anh K trả vốn và lãi là 301.536.000 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông D yêu cầu anh K trả vốn 275.000.000 đồng yêu yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ khi bản án có hiệu lực. Không yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ X liên đới cùng anh K trả nợ.

[2] Về phía anh K thừa nhận có vay tiền của ông D, tổng cộng 300.000.000 đồng, nhưng anh K cho rằng đã trả vốn và lãi được 600.000.000 đồng, anh K có cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 30/7/2017 đưa cho anh Phạm Hữu T số tiền 100.000.000 đồng, đưa cho anh Lê Đỗ Duy T1 64.000.000 đồng có biên nhận ngày 20/9/2017 và đưa cho anh Thái Quốc N 90.000.000 đồng để trả cho ông D.

[3] Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/6/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Hữu T trình bày: Do anh T có vay tiền của ông D, nên ông D có nhờ anh T đi thu tiền nợ, anh T và N có đến gặp anh K để kết toán ghi chốt số tiền 300.000.000 đồng, anh T có nhận của anh K 100.000.000 đồng, lần lượt theo các ngày thể hiện trên biên 30/10/2017, biên nhận phần viết tay là do anh T viết, phần đánh máy là do anh K đưa, số tiền 100.000.000 đồng sau khi nhận tiền về anh T đã đưa lại cho ông D. Đối với 04 biên nhận ngày 25/01/2016, 29/3/2016, 18/6/2016, 05/10/2012 mà ông D đang khởi kiện anh K, anh T không biết rõ và không xác định được có đi thu tiền trong 04 biên nhận này hay không.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/6/2018 anh Thái Quốc N khai: Anh K có đưa tiền 3-4 lần cho anh N về đưa cho ông D, nhưng không nhớ cụ thể. Khi Tòa án giải quyết, Nghĩa có gặp ông D hỏi lại thì ông D nói là anh N có đưa 40.000.000 đồng, nhưng không nói trả khoản tiền nào (bút lục 57). Biên bản đối chất ngày 10/9/2018 anh N khai, có nhận tiền của K nhưng không nhớ bao nhiêu (bút lục 62). Biên bản hòa giải ngày 10/9/2018 anh N khai có nhận tiền của anh K gởi trả ông D, nhưng không nhớ bao nhiêu (bút lục 67).

Đối với số tiền 64.000.000 đồng anh Tường nhận của anh K theo biên nhận anh K cung cấp thì Tòa án chưa làm việc được với anh T1 do hiện nay anh T1 không có mặt tại địa phương.

[4] Về phía ông D không thừa nhận có nhận của anh T 100.000.000 đồng, của anh Tường 64.000.000 đồng và của anh N 90.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh K có cung cấp các nhân chứng: Anh Lê Văn P khai có chứng kiến ông D kêu anh T đến nhà anh K nhận tiền 2-3 lần, nhưng anh T về có đưa cho ông D không thì anh không có chứng kiến; anh Lê Phước L và anh Dương Huỳnh P1 xác định không có chứng kiến việc ông D cho anh K vay và cũng không có chứng kiến việc ông D kêu anh T, anh N đến nhà anh K nhận tiền. Mặt khác, anh K cũng không có chứng cứ chứng minh ông D có nhận tiền của anh T, anh N, anh T1 và anh T, anh N cũng không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho ông D, nên trình bày của anh K, anh T, anh N là không có căn cứ. Do đó, đối với số tiền mà anh T, anh T1, anh N đã nhận của anh K, nếu có tranh chấp thì anh K có quyền khởi kiện anh T, anh T1, anh N bằng một vụ kiện khác.

[5] Về lãi suất: Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất và cũng không thống nhất về mức lãi suất nên Án sơ thẩm tính lãi suất 0,83%/ tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo đó số tiền lãi anh K phải trả cho ông D từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018: 300.000.000 đồng x 0,83% x 25 tháng = 62.250.000 đồng. Số tiền lãi ông D đã nhận 84.000.000 đồng, sau khi trừ vào tiền lãi phải trả 62.250.000 đồng, số tiền lãi trả thừa là 21.750.000 đồng sẽ được trừ vào tiền vốn. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H yêu cầu anh K trả cho ông D số tiền 275.000.000 đồng vốn là hướng có lợi cho anh K, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh K trình bày: Về nội dung vụ án, Luật sư cho rằng ông D cho anh K vay lãi suất cao, anh K có kiện kiện ông D tại Tòa án nhân dân huyện C, nhưng ông D không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau đó anh K rút đơn khởi kiện và anh K viết biên nhận tổng nợ 300.000.000 đồng, anh K có trả cho ông D 254.000.000 đồng, do anh T, anh N và anh Duy T1 nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh K. Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không giao bản án cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Xét thấy, về thủ tục tốt tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ bản án theo quy định cho mẹ, vợ của anh T, anh N nhận; còn về nội dung thì như nhận định ở trên, không có cơ sở xác định ông D có nhận tiền của anh T, anh N và anh Duy T1, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là không chấp nhận kháng cáo của anh K là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của anh K là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh K phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thế K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Thành D yêu cầu anh Nguyễn Thế K trả số tiền vốn vay 275.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Thế K trả cho ông Đỗ Thành D số tiền vốn vay 275.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu ông Đỗ Thành D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ X liên đới với anh Nguyễn Thế K trả số tiền vốn và lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Nguyễn Thế K phải chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 14.050.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng anh K đã nộp theo biên lai thu số 0005034 ngày 07/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào tiền án phí anh K phải nộp, anh K còn phải nộp 13.750.000 đồng tiền án phí.

Ông Đỗ Thành D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.538.000 đồng theo biên lai thu số 0003269 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP.C;
- CCTHADS TP.C;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚCTHẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tặng